Q7

Nhà Nhập Khẩu Chính Thức Audi
AUTOMOTIVE ASIA LTD

www.audi.vn
Hotline: 1800888861
/AudiVietnam

Nhà Phân Phối Chính Thức Audi
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN Á QUỐC TẾ

Audi Hà Nội
8 Phạm Hùng, P. Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm
Tel: (24) 3768 5959
Fax: (24) 3768 5960

Audi Đà Nẵng
86C Duy Tân
Quận Hải Châu
Tel: (236) 3788 686
Fax: (236) 3798 686

Audi Hồ Chí Minh City
6B Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tel: (28) 3911 8008
Fax: (28) 3824 3961
contact@ audi.vn

Audi Tân Bình HCM
Lô IV Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Tel: (28) 3943 0089
Fax: (28) 3943 0079
contact@ audi.vn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	Q7 SUV 45 TFSI quattro
ĐỘNG CƠ	
Nhiên liệu	Xăng
Loại động cơ	Động cơ 4 xy lanh hàng ngang với công nghệ phun xăng trực tiếp
Dung tích (cc)	1.984
Công suất cực đại kW (hp)/rpm	185 (252 hp) / 5.000 – 6.000
Mô-men xoắn cực đại Nm/rpm	370/1.650 - 4.500
TRUYỀN ĐỘNG	
Hộp số	8 cấp Tiptronic
Dẫn động	Hệ dẫn động quattro toàn thời gian
HIỆU SUẤT	
Gia tốc 0–100km/h (sec.)	7,3
Tốc độ tối đa (km/h)	230
Tiêu hao nhiên liệu l/100km (Đô thị / Cao tốc / Kết hợp)	R20 9,0 / 6,7 / 7,5
Hệ thống Khởi động/Dừng	Có
PHANH	
Trước	Đĩa phanh 18 inch (NAO)
Sau	Đĩa phanh 18 inch (NAO)
Hỗ trợ phanh	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Số đo (Tất cả tính bằng mm)

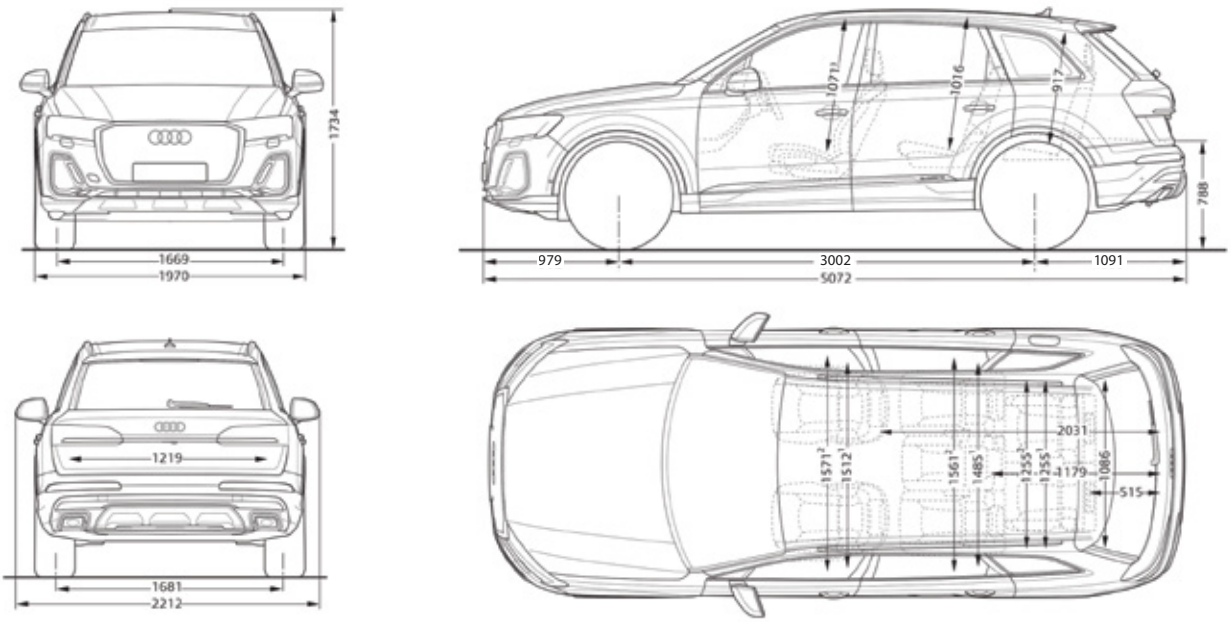

Kích thước dựa trên dữ liệu kỹ thuật từ Audi Đức.
Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi

Chiều dài cơ sở	3.002
Dài	5.072
Cao	1.734
Rộng (gập gương/mở gương)	1.970 / 2.212
Vết bánh xe (trước/sau)	1.669 / 1.681
Trọng lượng xe (kg)	2.078
Đường kính vòng quay (m)	12,5
Dung tích khoang hành lý (l)	740
Dung tích bình xăng (l)	85

TRANG BỊ		Q7 SUV 45 TFSI quattro	
PR		Basic	S line
	AN TOÀN		
4UE	Hệ thống túi khí	•	•
4X3	Túi khí bên ở phía trước và hệ thống túi khí rèm	•	•
3B5	Các chốt cố định ghế trẻ em ISOFIX với dây neo trên cùng	•	•
9P3	Tính năng nhắc nhở thắt dây an toàn	•	•
1T3	Bộ sơ cứu, tam giác cảnh báo và áo phản quang	•	•
	CÔNG NGHỆ VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ		
6I3	Cảnh báo chệch làn đường	•	•
8T6	Hệ thống kiểm soát hành trình với chức năng giới hạn tốc độ	•	•
7X2	Hệ thống hỗ trợ đỗ xe plus	•	
7W1	Các tính năng an toàn chủ động - Audi pre-sense basic	•	•
9X0	Hỗ trợ đỗ xe với màn hình hiển thị 360 độ		•
UH2	Chức năng Hold Assist khi dừng xe ngang dốc	•	•
QZ7	Tay lái trợ lực cơ điện	•	•
KA6	Camera 360 độ		•
KA2	Hệ thống camera quan sát phía sau	•	
QK1	Camera đa chức năng	•	•
2H1	Tùy chọn chế độ lái Audi Drive Select	•	•
	NGOẠI THẤT		
3S1	Giá nóc bằng nhôm	•	
3S2	Giá nóc màu đen		•
5J1	Cánh lướt gió trên nóc phía đuôi xe tích hợp đèn báo phanh ở giữa	•	
5J3	Cánh lướt gió trên nóc		•
4ZB	Gói ngoại thất chrome bóng	•	
4ZD	Gói ngoại thất đen huyền bí		•
8G4	Công nghệ luồng sáng Matrix	•	•
8IY	Hệ thống đèn pha LED với các thấu kính	•	•
8K1	Đèn ban ngày riêng biệt	•	•
8VM	Gói đèn hậu LED và đèn báo rẽ chuyển động	•	•
5SJ	Gương chiếu hậu bên trái, lồi	•	•
6FA	Vỏ gương ngoại thất cùng màu thân xe	•	•
6TS	Gương chiếu hậu bên phải, phi cầu	•	•
6XL	Gương chiếu hậu bên ngoài chỉnh điện, sưởi và gập điện, tự động chống lóa, với tính năng ghi nhớ điều chỉnh	•	•
2K1	Cản xe tiêu chuẩn được sơn hoàn thiện	•	
2K7	Cản xe S line được sơn hoàn thiện		•
7AL	Hệ thống chuông chống trộm	•	•
8X1	Hệ thống rửa đèn pha	•	•
4E7	Nắp khoang hành lý, đóng mở bằng điện	•	•
4F2	Chìa khóa tiện nghi với chức năng mở khoang hành lý điều khiển bằng cảm biến với SAFELOCK	•	•
GZ2	Cửa chốt tự động bằng điện	•	•
5XC	Tấm che nắng phía trước	•	
5XL	Tấm che nắng đôi phía trước, có thể trượt		•
	BÁNH XE VÀ HỆ THỐNG TREO (*)		
1PA	Bu lông bánh xe tiêu chuẩn	•	•
1BA	Hệ thống treo tiêu chuẩn	•	•
45X	Mâm hợp kim, kiểu Tuabin 5 chấu, lốp 9.0J x 20, 285/45 R20	•	
U23	Mâm hợp kim, kiểu 5 chấu kép, màu xám Graphite, phay bóng, lốp 9.0J x 20, 285/45 R20		•
H7A	Lốp 285/45 R20 112Y xl lực cản lăn thấp	•	•
7K9	Hệ thống giám sát áp suất lốp gián tiếp	•	•
1G8	Bộ dụng cụ sửa chữa lốp xe	•	•
1S2	Bộ dụng cụ	•	•
	NỘI THẤT & TIỆN NGHI		
1XW	Vô-lăng đa chức năng bọc da, 3 chấu, có lẫy chuyển số	•	
2PF	Vô-lăng thể thao đa chức năng bọc da, 3 chấu, đáy phẳng		•
3L4	Ghế trước chỉnh điện có tính năng nhớ vị trí ghế lái	•	•
7P1	Hỗ trợ tựa lưng 4 chiều cho hàng ghế trước	•	•
Q1A	Ghế tiêu chuẩn phía trước	•	
Q1D	Ghế thể thao phía trước		•
2P2	Ốp bảo vệ cạnh khoang hành lý bằng thép không rỉ	•	•
VF0	Cụm bàn đạp tiêu chuẩn	•	
VF1	Cụm bàn đạp và gác chân bằng thép không gỉ		•
VL0	Bảo vệ người đi bộ tiêu chuẩn	•	•
GS5	Các nút điều khiển màu đen bóng với phản hồi xúc giác và các chi tiết nội thất bằng nhôm	•	•

0TD	Thảm lót sàn phía trước và phía sau	•	•
3GD	Sàn khoang hành lý	•	•
6SS	Thảm lót sàn khoang hành lý	•	•
3U7	Nắp khoang hành lý điều chỉnh bằng điện	•	•
N1V	Ghế bọc da Valcona có dập nổi logo "S"		•
N5A	Ghế bọc da Cricket	•	
5TG	Các chi tiết ốp trang trí bằng nhôm xước mờ		•
5ZF	Tựa đầu phía trước	•	•
6E6	Tựa tay trung tâm tiện nghi phía trước	•	•
7HP	Phần trên của bảng điều khiển có đường chỉ khâu tương phản	•	•
7TL	Các chi tiết trang trí màu tro hạt mịn tự nhiên màu nâu xám	•	
9JD	Mồi lửa và gạt tàn thuốc lá	•	•
9TF	Đèn LED chào mừng khi mở cửa phía trước và phía sau	•	•
4L6	Gương chiếu hậu bên trong tự điều chỉnh độ sáng, tràn viền	•	•
VT5	Ốp bệ cửa bằng nhôm ở phía trước và phía sau, phát sáng, có logo "S" ở phía trước		•
6NJ	Trần xe bọc vải	•	
6NQ	Trần xe bọc vải đen		•
7M1	Ốp bệ cửa bằng nhôm ở phía trước và phía sau	•	
	TIỆN NGHI		
9AE	Hệ thống điều hòa không khí 4 vùng	•	•
4GF	Kính chắn gió bằng kính phản nhiệt	•	•
4KC	Cửa sổ bên và sau bằng kính phản nhiệt	•	•
QL1	Kính sau và kính cửa xe trong suốt	•	•
QQ2	Gói đèn nội thất đa sắc	•	•
3Y3	Rèm che nắng	•	•
	THÔNG TIN GIẢI TRÍ		
9ZV	Hộp sạc không dây Audi chuẩn Qi	•	•
9VS	Hệ thống âm thanh cao cấp Bang & Olufsen với âm thanh 3D, 19 loa	•	•
9S8	Màn hình hiển thị thông tin lái xe kỹ thuật số Audi virtual cockpit	•	•
KS0	Không có hiển thị thông tin trên kính chắn gió Head-up display (HUD)	•	
KS1	Hiển thị thông tin trên kính chắn gió Head-up display (HUD)		•
IU1	Giao diện kết nối điện thoại thông minh	•	•
UE8	Cổng USB Type C có chức năng sạc ở phía sau, công suất 15 W	•	•

Tùy chọn màu sơn:

	Basic	S line
Đơn sắc:	0Q Trắng Carrara	0Q Trắng Carrara
Ánh kim:	F0 Bạc Satellite, 3V Nâu Tamarind, 5Q Be Vicuna, 3M Xám Samurai, 2Y Trắng Glacier, 0E Đen Myth, D6 Xanh Waitomo, Z2 Sakhirgold (**)	F0 Bạc Satellite, W0 Đỏ Chili, 2Y Trắng Glacier, 0E Đen Myth, D6 Xanh Waitomo, Z2 Sakhirgold (**) 9W Xanh Ascari (**)

Bảo hành ba năm không giới hạn số km

(*) Không có bánh dự phòng, cấu hình lốp không runflat.
(**) Tùy chọn có tính thêm phí

Giá khởi điểm từ: 3,590,000,000 VND

Quét mã QR
hoặc truy cập www.audi.vn
để biết thêm thông tin

Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi

Thông tin chính xác vào tháng 3 năm 2024